

Thời gian làm bài: 45 phút;

(Học sinh làm bài trên phiếu trả lời trắc nghiệm bằng bút chì)

Mã đề thi 132

Câu 1: Cặp chất **không** xảy ra phản ứng là

- A. **Ag + Cu(NO₃)₂.** B. Zn + Fe(NO₃)₂. C. Fe + Cu(NO₃)₂. D. Cu + AgNO₃.

Câu 2: Hoà tan 11,2 gam Fe bằng dung dịch HNO₃ loãng (dư), sinh ra V lít khí NO (sản phẩm khử duy nhất, ở đktc). Giá trị của V là

- A. 6,72. B. 3,36. C. **4,48.** D. 2,24.

Câu 3: Sắt (II) oxit là hợp chất

- A. **có tính bazơ, tính oxi hoá và tính khử.** B. chỉ có tính oxi hoá.
C. chỉ có tính bazơ và tính oxi hoá. D. chỉ có tính khử và oxi hoá.

Câu 4: Kim loại nào sau đây có độ cứng lớn nhất trong tất cả các kim loại ?

- A. Vonfam. B. Đồng. C. Sắt. D. **Crom.**

Câu 5: Cho dung dịch NaOH (dư) vào dung dịch chứa hỗn hợp FeCl₂ và CrCl₃, thu được kết tủa X. Nung X trong không khí đến khối lượng không đổi thu được chất rắn Y. Vậy Y là

- A. Fe₂O₃. B. **Fe₂O₃ và Cr₂O₃.** C. CrO₃. D. FeO.

Câu 6: Có các dung dịch Al(NO₃)₃, NaNO₃, Mg(NO₃)₂, H₂SO₄. Thuốc thử để phân biệt các dd đó là

- A. quỳ tím. B. dd CH₃COOAg. C. dd BaCl₂. D. **dd NaOH.**

Câu 7: Cho 23,6 gam hỗn hợp các kim loại Al, Cr, Fe tác dụng với lượng dư dung dịch H₂SO₄ loãng (trong điều kiện không có không khí), thu được dung dịch X và 4,48 lít khí H₂ (ở đktc). Cô cạn dung dịch X (trong điều kiện không có không khí) được m gam muối khan. Giá trị của m là

- A. 57,5. B. 47,1. C. 23,6. D. **42,8.**

Câu 8: Cho 0,65 lít dung dịch KOH 0,1M vào 200ml dung dịch AlCl₃ 0,1M. Sau phản ứng khối lượng kết tủa tạo ra là

- A. 1,95 g. B. **1,17 g.** C. 1,56 g. D. 0,39 g.

Câu 9: Các nguyên tử thuộc nhóm IIA có cấu hình electron lớp ngoài cùng là

- A. **ns².** B. ns¹np¹. C. ns¹np². D. np².

Câu 10: Cho sơ đồ phản ứng: NaHCO₃ + X → Na₂CO₃ + H₂O. X là hợp chất

- A. HCl. B. **NaOH.** C. KOH. D. K₂CO₃.

Câu 11: Hòa tan oxit sắt từ (Fe₃O₄) vào 400ml dung dịch HCl 0,2M. Sau phản ứng khối lượng muối thu được là

- A. 4,33g. B. 5,08g. C. **4,52g.** D. 3,25g.

Câu 12: Hoà tan 1,56 gam một kim loại M trong 300 ml dung dịch H₂SO₄ 0,1M. Để trung hoà lượng axit dư cần 100 ml dung dịch NaOH 0,2M. Kim loại M là

- A. Fe. B. Zn. C. Ba. D. **K.**

Câu 13: Phương trình hóa học nào sau đây biểu diễn cách điều chế Ag từ AgNO₃ theo phương pháp thủy luyện ?

- A. **4AgNO₃ + 2H₂O → 4Ag + 4HNO₃ + O₂.** B. 2AgNO₃ + Zn → 2Ag + Zn(NO₃)₂.
C. Ag₂O + CO → 2Ag + CO₂. D. 2AgNO₃ → 2Ag + 2NO₂ + O₂.

Câu 14: Cation M⁺ có cấu hình electron lớp ngoài cùng 2s²2p⁶ là

- A. **Na⁺.** B. Rb⁺. C. K⁺. D. Li⁺.

Câu 15: Cho phản ứng: aAl + bHNO₃ → cAl(NO₃)₃ + dNO + eH₂O. Hệ số a, b, c, d, e là các số nguyên, tối giản. Tổng (a + b) bằng

- A. 6 B. **5** C. 7 D. 4

Câu 16: Công thức chung của oxit kim loại thuộc nhóm IA là

A. R_2O_3 .

B. RO.

C. RO_2 .

D. R_2O .

Câu 17: Dẫn 8,96 lít CO_2 (ở đktc) vào 600 ml dung dịch $Ca(OH)_2$ 0,5M. Phản ứng kết thúc thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là

A. 30.

B. 40.

C. 25.

D. 20.

Câu 18: Dãy gồm các kim loại đều phản ứng với nước ở nhiệt độ thường tạo ra dung dịch có môi trường kiềm là:

A. Na, Ba, K.

B. Be, Na, Ca.

C. Na, Cr, K.

D. Na, Fe, K.

Câu 19: Hoà tan 1,62 gam một kim loại M bằng dung dịch H_2SO_4 loãng dư, cô cạn dung dịch thu được 2016 ml khí H_2 (đktc). Kim loại M là

A. Na.

B. Al.

C. Zn.

D. Fe.

Câu 20: Cho các hợp kim sau: Cu-Fe (I); Zn-Fe (II); Fe-C (III); Sn-Fe (IV). Khi tiếp xúc với dung dịch chất điện li thì các hợp kim mà trong đó Fe đều bị ăn mòn trước là:

A. I, II và III.

B. II, III và IV.

C. I, III và IV.

D. I, II và IV.

Câu 21: Cho m gam Cu tác dụng với dung dịch HNO_3 thu được muối $Cu(NO_3)_2$ và hỗn hợp khí gồm 0,1 mol NO và 0,2 mol NO_2 . Giá trị của m là:

A. 6,4.

B. 12,8.

C. 16,0.

D. 9,6.

Câu 22: Hấp thụ hoàn toàn 0,1 mol khí CO_2 vào dung dịch chứa 0,2 mol NaOH, thu được dung dịch X. Khối lượng muối tan có trong dung dịch X là

A. 21,2 gam.

B. 5,3 gam.

C. 15,9 gam.

D. 10,6 gam.

Câu 23: Có 4 dd đựng trong 4 lọ hóa chất mất nhãn là $(NH_4)_2SO_4$, K_2SO_4 , NH_4NO_3 , KOH, để nhận biết 4 chất lỏng trên, chỉ cần dùng dung dịch

A. $BaCl_2$.

B. $AgNO_3$.

C. $Ba(OH)_2$.

D. NaOH.

Câu 24: Cho 8,40 gam sắt vào 300 ml dung dịch $AgNO_3$ 1,3 M. Lắc kĩ cho phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là

A. 42,12.

B. 16,20.

C. 48,60.

D. 32,40.

Câu 25: Cấu hình electron nào dưới đây được viết đúng?

A. $_{26}Fe$ (Ar) $4s^1 3d^7$.

B. $_{26}Fe^{2+}$ (Ar) $4s^2 3d^4$.

C. $_{26}Fe^{2+}$ (Ar) $3d^4 4s^2$.

D. $_{26}Fe^{3+}$ (Ar) $3d^5$.

----- HẾT -----

Cho biết khối lượng nguyên tử (theo đvC) của nguyên tố:

H = 1; Li = 7; C = 12; N = 14; O = 16; F = 19; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Mn = 55; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108; Ba = 137; Au = 197;

Họ và tênLớp.....Số báo danh.....